

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2022/HS-ST

Ngày: 22 – 02 – 2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thái Thị Hồng Vân.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Đáng - Chánh Thanh tra – Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Bà Hoàng Thị Phương Hiền – Phó Bí thư thường trực Đoàn Thanh niên tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Phương Hồng, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Lê Đức Khanh và ông Trần Xuân Phú – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 84/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 11 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 220/2021/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 12 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Phạm Văn K; Sinh ngày 19/7/2003 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: Thôn C, xã B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Phụ giúp gia đình; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phạm T, sinh năm 1976 và bà Lê Thị Thu H (đã chết); Vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Không.

Về nhân thân:

Ngày 07/7/2021, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 42/2021/HS-ST.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/6/2021; chuyển tạm giam ngày 07/6/2021 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

2. Võ Quốc V (Tên gọi khác: B); Sinh ngày 10/12/2003 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi ĐKKTT: phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Chỗ ở hiện nay: phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Học sửa xe máy; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Công giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Không rõ tên cha; con bà Võ Thị Thu T, sinh năm 1986; Vợ, con: Chưa có; tiền sự: không; tiền án: Không.

Về nhân thân:

Ngày 07/7/2021, bị Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xử phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án hình sự sơ thẩm số 42/2021/HS-ST.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 04/6/2021; chuyển tạm giam ngày 10/6/2021 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

3. Hoàng Trọng Đăng Q (Tên gọi khác: R); Sinh ngày 14/3/1995 tại tỉnh Thừa Thiên Huế; Nơi cư trú: phường B, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế; Nghề nghiệp: Nhân viên tiệm mua bán xe máy; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Trọng Q, sinh năm 1970 và bà Bạch Dương Thị P, sinh năm 1976; Vợ, con: Chưa có; tiền sự: Không; tiền án: Không.

Về nhân thân:

- Ngày 06/10/2021, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T khởi tố vụ án và khởi tố bị can về tội “Gây rối trật tự công cộng”.

Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 13/9/2021 đến ngày 08/10/2021 thì bị bắt tạm giam trong một vụ án khác tại Nhà tạm giữ Công an thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Phạm Văn K:* Ông Phạm T, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Thôn C, xã B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (là bố của bị cáo); có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo K:* Ông Dương Tiến D; Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- *Người đại diện hợp pháp của bị cáo Võ Quốc V:* Bà Võ Thị Thu T, sinh năm 1986; Nơi cư trú: phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế (là mẹ của bị cáo); có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo V:* Ông Hồ Ngọc L; Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- *Bị hại:*

1. Chị Nguyễn Thị Hoài T, sinh năm 1987; trú tại: Thôn C, xã B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

2. Anh Trần Quang T, sinh năm 1991; trú tại: Thôn C, xã T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

3. Anh Lê Văn T, sinh năm 1985; trú tại: Thôn B, xã T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

4. Anh Trần Công Y, sinh năm 1997; trú tại: Thôn N, xã T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

5. Anh Phan Văn T, sinh năm 1992; trú tại: Thôn C, phường H, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

6. Chị Đặng Thị N, sinh năm 1993; trú tại: Thôn C, xã T, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

7. Anh Huỳnh Văn L, sinh năm 1991; trú tại: Thôn L, xã T, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

8. Anh Nguyễn Viết H, sinh năm 1993; trú tại: Thôn G, xã L, huyện V, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

1. Anh Lê Kỳ T, sinh năm 1995; trú tại: phường phước V, thành phố H; vắng mặt.

2. Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1981; trú tại phường B, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

3. Anh Trần Đức H, sinh năm 1993; trú tại: Tổ 7, phường B, thị xã T, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

4. Ông Trần Mạnh H, sinh năm 1974; phường V, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

5. Chị Võ Thị Thu T, sinh năm 1986; trú tại: phường X, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Anh Lâm Tiến N, sinh năm 1988; trú tại: phường C, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

2. Bà Trần Thị H, sinh năm 1962; trú tại: phường B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

3. Ông Lê Văn C, sinh năm 1962; Trú tại: phường B, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội “Trộm cắp tài sản” của K và V:

Trong thời gian chờ Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử về tội “Trộm cắp tài sản”, từ tháng 5 đến tháng 6 năm 2021, Phạm Văn K và Võ Quốc V đã nhiều lần (08 lần) thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế để bán lấy tiền tiêu xài cá nhân; cụ thể:

Vụ thứ nhất: Khoảng 00 giờ 00 phút ngày 21/5/2021, V rủ và dùng xe mô tô hiệu AirBlade, biển số: 75F1-933.54 (xe của bà T - mẹ V) chở K đến thôn C, xã B, thị xã T lấy trộm của chị Nguyễn Thị Hoài T chiếc xe máy Sirius, biển số: 75 K6-3588, đem về giấu ở khu vực lũng Triệu Trị. Ngày 22/5/2021, V cầm xe của chị T cho ông Trần Mạnh H, địa chỉ: phường T, thành phố H lấy 2.100.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 46/KL-HĐĐGTS ngày 07/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thị xã T, kết luận: Xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu bạc – đen, số khung 307Y-038138, số máy 5C63-038138, mang biển số 75K6-3588, tại thời điểm định giá có trị giá 3.000.000 đồng.

Vụ thứ hai: Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 21/5/2021, sau khi cất dấu xe máy của chị T, K chở V đến nhà ông Trần Quang L ở thôn C, xã T, thị xã T (nay thuộc phường T, thành phố H) lấy trộm của anh Trần Quang T chiếc xe máy Exciter, biển số: 75D1-070.29, đi được khoảng 50 mét thì có người phát hiện nên K và V bỏ xe lại.

Vụ thứ ba: Khoảng 02 giờ 00 phút ngày 21/5/2021, K chở V đến thôn B, xã T, thị xã T (nay thuộc thành phố H) lấy trộm của anh Lê Văn T chiếc xe máy Sirius, biển số: 75D1-196.48, đem về cất dấu ở nhà hàng L, phường X, thành phố H. Đến 08 giờ cùng ngày, Công an phường X phát hiện thu giữ.

Vụ thứ tư: Khoảng 00 giờ 00 phút ngày 22/5/2021, K chở V đến thôn N, xã T, thị xã T (nay thuộc thành phố H) lấy trộm của anh Trần Công Y chiếc xe máy Cub, biển số: 73B1-107.05, bán cho một người trên mạng xã hội không rõ họ tên, lai lịch lấy 4.000.000 đồng.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 33/KL-HĐĐGTS ngày 02/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã T kết luận: 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, biển số 75D1-196.48 có trị giá 8.190.000 đồng; 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số 75D1-070.29, có trị giá 8.400.000 đồng; 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Honda, loại Cub, biển số 73B1-107.05 có trị giá: 2.500.000 đồng.

Vụ thứ năm: Khoảng 23 giờ 00 phút ngày 24/5/2021, K chở V đến thôn C, xã H, thị xã H (nay thuộc thành phố H) lấy trộm của anh Phan Văn T chiếc xe máy Exciter, biển số: 75D1-260.69. Sau đó, nhờ Hoàng Trọng Đăng Q làm giả giấy đăng ký xe mô tô, xe máy mang tên Hoàng Ngọc M rồi cùng Lê Tiến N đem xe của anh T đến tiệm cầm đồ H (do chị Nguyễn Thị H là chủ tiệm), địa chỉ: phường B, thị xã T cầm cho Trần Đức H (nhân viên của chị H) lấy 17.000.000 đồng.

Vụ thứ sáu: Khoảng 00 giờ 00 phút ngày 02/6/2021, K rủ và chở V đến thôn C, xã T, thị xã T (nay thuộc thành phố H) lấy trộm của chị Đặng Thị N chiếc xe máy Sirius, biển số: 75AD-006.40, đem đến tiệm mua bán xe máy Z (do anh Lê Kỳ T làm chủ), địa chỉ: phường V, thành phố H cầm cho Hoàng Trọng Đăng Q (nhân viên của anh T) lấy 2.500.000 đồng.

Vụ thứ bảy: Khoảng 00 giờ 00 phút ngày 04/6/2021, K rủ và chở V đến thôn L, xã T, thị xã T lấy trộm của anh Huỳnh Văn L chiếc xe máy Exciter, biển số: 75D1-120.54.

Vụ thứ tám: Khoảng 01 giờ 00 phút ngày 04/6/2021, K và V sau khi lấy trộm xe của anh L tiếp tục đến thôn T, xã T, thị xã T lấy trộm của anh Nguyễn Viết H chiếc xe máy Exciter, biển số: 75H1-477.17, đem đến nhà bà Trần Thị H (bà ngoại K) ở phường B, thành phố H để 02 xe lấy trộm của anh L và anh H trong sân nhà bà H. Ông Lê Văn C (chồng bà H) nghe tiếng xe nổ thức dậy thấy 02 chiếc xe máy để ở sân nên báo Công an phường B đến thu giữ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 30/KL-HĐĐGTS ngày 14/6/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thị xã T kết luận: 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số 75H1-477.17 có trị giá 35.271.600 đồng;

01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số 75D1-120.54, màu xanh trắng có trị giá 8.400.000 đồng; 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Viet Thai, loại Sirius, biển số 75AD-006.40, màu đỏ có trị giá 8.599.500 đồng; 01 (một) xe mô tô, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, biển số 75D1-260.69, màu đỏ trắng có trị giá 25.798.500 đồng.

Tất cả 08 vụ trộm cắp tài sản trên, lúc thì V rủ K, lúc thì K rủ V và dùng xe mô tô hiệu AirBlade, biển số: 75F1-933.54 (xe của bà T - mẹ V) chở nhau đi lấy trộm. Khi lấy xe V dùng tu vít để mở van, phá khóa xe. Số tiền các bị cáo bán và cầm được đều dùng vào việc chơi game và tiêu xài cá nhân. Tổng số tài sản các bị cáo chiếm đoạt là **100.159.600 đồng**.

2. Về hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức:

Sau khi lấy trộm của anh Phan Văn T chiếc xe máy Exciter, biển số: 75D1-260.69, V đưa cho Hoàng Trọng Đăng Q 1.000.000 đồng và nhờ Q làm giấy đăng ký xe mô tô, xe máy giả. Ngày 25/5/2021, Q thông qua mạng Internet đặt làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số: 75D1-260.69, tên chủ xe Hoàng Ngọc M, địa chỉ: V, V, thị xã T với giá 1.300.000 đồng đưa cho V. Sau đó, V và K dùng ảnh của anh Lâm Tiến N bỏ vào chứng minh nhân dân mang tên Trương Thành T rồi cùng N đem xe máy của anh T đi cầm như đã nêu ở trên.

Ngày 25/8/2021 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đã Trung cầu Phòng Kỹ Thuật hình sự giám định Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 043978, đề tên chủ xe: Hoàng Ngọc M, Địa chỉ: Thôn V, Phường V, Thị xã T, Số máy: G3D4E322052, Số khung: 0610GY306941, Nhãn hiệu: Yamaha, Số loại: Exciter, Màu sơn: Trắng Đỏ, Biển số đăng ký: 75D1-260.69, cấp ngày: 28/11/2016, có chữ ký mang tên Trung tá Hoàng Liên S - Phó trưởng Công an thị xã T đã thu giữ nêu trên.

Tại bản kết luận giám định số: 476/GĐ ngày 01/9/2021, phòng Kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Thừa Thiên Huế kết luận giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy trên là giả.

* Vật chứng thu giữ:

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda AirBlade màu đen, biển số 75F1-933.54. Xe của chị Võ Thị Thu T;

- Thu giữ của Võ Quốc V: 01 điện thoại di động IPHONE 7 PLUS màu đen, số sêri: F2LTV2THG00, số IMEI: 156696081000890; 01 (một) tua vít dài 23cm, có cán bằng cao su màu đỏ đen. 01 (một) cờ lê bằng kim loại dài 12cm; 01 (một) thanh kim loại hình chữ L dài 17cm.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số 75H1-477.17. Xe của anh Nguyễn Viết H.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số 75D1-120.54. Xe của anh Huỳnh Văn L;

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Viet Thai, loại Sirius, biển số 75AD-006.40; 01 (một) Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 75AD-006.40; 01 (một) Giấy chứng nhận bảo hiểm xe mô tô 75AD-006.40 của chị Đặng Thị N;

- 01 (một) Hợp đồng mua bán xe mô tô 75AD-006.40.

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số 75D1-260.69 của anh Phan Văn T;

- 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Cub, biển số 73B1-107.05 của anh Trần Công Y;

- 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 043978, đề tên chủ xe: Hoàng Ngọc M, Địa chỉ: Thôn V, phường V, thị xã H, Số máy: G3D4E322052, Số khung: 0610GY306941, Nhãn hiệu: Yamaha, Số loại: Exciter, Màu sơn: Trắng Đỏ, Biển số đăng ký: 75D1-260.69, cấp ngày: 28/11/2016, có chữ ký mang tên Trung tá Hoàng Liên S - Phó trưởng Công an thị xã T;

- 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 1191643757 mang tên Trương Thành T cấp ngày 08/11/2010. (Giấy chứng minh đã bị V và K đã lấy ảnh thật trong giấy chứng minh ra và bỏ ảnh của Lâm Tiên N vào).

Về xử lý vật chứng:

- Ngày 29/6/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã T đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 30: Trả lại xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số 75H1-477.17 cho anh Nguyễn Viết H; trả lại xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số 75D1-120.54 cho anh Huỳnh Văn L; trả lại xe mô tô nhãn hiệu Viet Thai, loại Sirius, biển số 75AD-006.40 kèm theo giấy đăng ký xe, giấy chứng nhận bảo hiểm xe cho chị Đặng Thị N; trả lại xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số 75D1-260.69 cho anh Phan Văn T; trả lại xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, biển số 75D1-196.48 cho anh Lê Văn T; trả lại xe mô tô nhãn hiệu Honda Cub, biển số 73B1-107.05 cho anh Trần Công Y là những người bị hại trong vụ án.

- Ngày 10/11/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế đã ra Quyết định xử lý vật chứng số 32: Trả lại 01 xe mô tô hiệu Yamaha Sirius màu bạc – đen, số khung 307Y-038138, số máy 5C63-038138, mang biển số 75K6-3588 cho chị Nguyễn Thị Hoài T.

- Quá trình điều tra làm rõ, bà Võ Thị Thu T không biết V sử dụng xe dùng xe mô tô hiệu AirBlade, biển số: 75F1-933.54 vào mục đích phạm tội. Khi lấy xe V tự ý lấy xe đi và dùng tu vít để mở van, phá khóa xe nên Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an thị xã T đã trả lại xe cho bà T.

Vật chứng hiện còn tạm giữ: 01 điện thoại di động IPHONE 7 PLUS màu đen, số seri: F2LVT2THG00, số IMEI: 156696081000890; 01 tu vít dài 23cm, cán bằng cao su màu đỏ; 01 cờ lê kim loại dài 12cm; 01 thanh kim loại hình chữ L dài 17cm.

Vật chứng hiện được lưu trong hồ sơ vụ án: 01 (một) Hợp đồng mua bán xe mô tô 75AD-006.40; 01 (Một) Giấy chứng nhận đăng ký mô tô, xe máy số 043978, đề tên chủ xe: Hoàng Ngọc M, Địa chỉ: Thôn V, phường V, thị xã T, Số máy: G3D4E322052, Số khung: 0610GY306941, Nhãn hiệu: Yamaha, Số loại: Exciter,

Màu sơn: Trắng Đỏ, Biển số đăng ký: 75D1-260.69, cấp ngày: 28/11/2016, có chữ ký mang tên Trung tá Hoàng Liên S - Phó trưởng Công an thị xã T; 01 (một) Giấy chứng minh nhân dân số 1191643757 mang tên Trương Thành T cấp ngày 08/11/2010. (Giấy chứng minh đã bị V và K đã lấy ảnh thật trong giấy chứng minh ra và bỏ ảnh của Lâm Tiến N vào).

*** Về mặt dân sự:**

- Những người bị hại là Trần Quang T, Lê Văn T, Trần Công Y, Phạm Văn T, chị Đặng Thị N, anh Huỳnh Văn L, Nguyễn Viết H, Nguyễn Thị Hoài T đã nhận lại tài sản bị mất và không có yêu cầu gì thêm.

- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Anh Lê Kỳ T yêu cầu Võ Quốc V bồi thường số tiền 2.500.000đồng; Anh Trần Mạnh H yêu cầu V bồi thường số tiền 2.100.000 đồng; Chị Nguyễn Thị H yêu cầu Võ Quốc V và Lâm Tiến N bồi thường số tiền 17.000.000 đồng;

Đối với Nguyễn Thị H, Trần Đức H (nhân viên của Nguyễn Thị H), Lê Kỳ T và Hoàng Trọng Đăng Q (nhân viên của Lê Kỳ T) khi nhận cầm xe mô tô từ Võ Quốc V, những đối tượng này không biết xe mà V đem đến cầm do phạm tội mà có. Do đó, Cơ quan điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Nguyễn Thị H, Trần Đức H, Lê Kỳ T và Hoàng Trọng Đăng Q về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Cơ quan điều tra xử lý hành chính là phù hợp.

Đối với hành vi cầm xe không chính chủ và hành vi nhận cầm đồ nhưng không lập hợp đồng theo quy định của Nguyễn Thị H và Lê Kỳ T, Cơ quan điều tra đã xử lý hành chính.

Trong vụ án, ngoài hành vi “Trộm cắp tài sản” và “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”, Võ Quốc V và Phạm Văn K đã có hành vi sửa chữa giấy chứng minh nhân mang tên Trương Thành T, Cơ quan Điều tra đã xử lý hành chính.

Đối với Lâm Tiến N: N không biết Võ Quốc V và Phạm Văn K đã sử dụng ảnh của mình bỏ vào giấy chứng minh nhân dân mang tên T Thành T để phục vụ cho việc cầm xe nên không có căn cứ để xử lý hình sự đối với N. Hành vi này của K và V xử lý hành chính là có căn cứ.

Người làm giấy chứng nhận xe mô tô, xe máy giả cho Q, quá trình điều tra không xác định được ai nên không có căn cứ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 51/CT-VKS-P2 ngày 11/11/2021, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế đã truy tố các bị cáo Phạm Văn K và Võ Quốc V về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự; Võ Quốc V và Hoàng Trọng Đăng Q về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Phạm Văn K và Võ Quốc V phạm tội “Trộm cắp tài sản”; các bị cáo Võ Quốc V và Hoàng Trọng Đăng Q phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Đề nghị áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55, Điều 56 và Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Phạm Văn K và Võ Quốc V.

Đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Võ Quốc V và Hoàng Trọng Đăng Q;

- Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn K từ 24 đến 28 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số: 42/2021/HS-ST ngày 07/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế; buộc bị cáo Phạm Văn K phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

- Xử phạt: Bị cáo Võ Quốc V từ 30 đến 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; từ 06 đến 09 tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số: 42/2021/HS-ST ngày 07/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế; buộc bị cáo Võ Quốc V phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án.

- Xử phạt: Bị cáo Hoàng Trọng Đăng Q từ 12 đến 15 tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động IPHONE 7 PLUS màu đen của Võ Quốc V.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 tu vít dài 23cm, cán bằng cao su màu đỏ; 01 cờ lê kim loại dài 12cm; 01 thanh kim loại hình chữ L dài 17cm của Võ Quốc V.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, khoản 1 Điều 586, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự để buộc bị cáo K và V phải liên đới bồi thường theo phần bằng nhau cho anh Lê Kỳ T số tiền 2.500.000 đồng; Anh Trần Mạnh H số tiền 2.100.000 đồng; Chị Nguyễn Thị H số tiền 17.000.000 đồng.

Về án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

- *Người bào chữa cho bị cáo K - Ông Dương Tiến D trình bày:* Đồng ý với luận tội của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo K 20 tháng tù.

- *Người bào chữa cho bị cáo V - Ông Hồ Ngọc L trình bày:* Đồng ý với luận tội của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo V **30 tháng tù về tội “trộm cắp tài sản” và 06 tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.**

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế; Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận: Từ tháng 5 đến tháng 6 năm 2021, Phạm Văn K và Võ Quốc V đã 08 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế, cụ thể như sau:

Ngày 21/5/2021 tại thôn C, xã B, thị xã T lấy trộm của chị Nguyễn Thị H một chiếc xe máy hiệu Sirius có giá trị 3.000.000 đồng; tại thôn C, xã T, thị xã T lấy trộm của ông Trần Quang L một xe máy hiệu Exciter có giá trị 8.400.000 đồng; tại thôn Liên Bàng, xã Hương Thọ, thị xã Hương Trà lấy trộm của anh Lê Văn T một chiếc xe máy hiệu Sirius có giá trị 8.190.000 đồng; Ngày 22/5/2021 tại thôn N, xã T, thị xã T lấy trộm của anh Trần Công Y một chiếc xe máy hiệu Cub có giá trị: 2.500.000 đồng; Ngày 24/5/2021, tại thôn C, xã H, thị xã T lấy trộm của anh Phan Văn T, một xe máy hiệu Exciter có giá trị 25.798.500 đồng; Ngày 02/6/2021 tại thôn C, xã T, thị xã T lấy trộm của chị Đặng Thị N một chiếc xe máy hiệu Sirius có giá trị 8.599.500 đồng; Ngày 04/6/2021 tại thôn L, xã T, thị xã T lấy trộm của anh Huỳnh Văn L một xe máy hiệu Exciter có giá trị 8.400.000 đồng; tại thôn T, xã T, thị xã T lấy trộm của anh Nguyễn Viết H một xe máy hiệu Exciter có giá trị 35.271.600 đồng.

Tổng giá trị tài sản 08 lần các bị cáo chiếm đoạt là **100.159.600 đồng**.

Sau khi lấy trộm của anh Phan Văn T chiếc xe máy Exciter, V đưa cho Hoàng Trọng Đăng Q 1.000.000 đồng và nhờ Q làm giấy đăng ký xe mô tô, xe máy giả. Q thông qua mạng Internet đặt làm giả giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy biển số: 75D1-260.69, tên chủ xe Hoàng Ngọc M. Sau đó, V và K dùng ảnh của anh Lâm Tiến N bỏ vào chứng minh nhân dân mang tên Trương Thành T rồi cùng nhau đem xe máy của anh T đi cầm cố.

Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra; phù hợp lời khai của các bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Tổng giá trị tài sản các bị cáo chiếm đoạt là **100.159.600 đồng** nên phạm vào điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bị cáo K và V 08 lần trộm cắp tài sản trên 2.000.000 đồng, nhưng các bị cáo là người chưa thành niên sống cùng gia đình, có chỗ ở, lý lịch rõ ràng, số tài sản chiếm đoạt chủ yếu dùng chơi game, không lấy các lần phạm tội làm nguồn thu nhập chính để sinh sống nên hành vi của K và V không phạm tội trong trường hợp “có tính chất chuyên nghiệp” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Hành vi phạm tội của các bị cáo K và V trước khi có bản án số: 42/2021/HS-ST ngày 07/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế nên các bị cáo không phạm tội trong trường hợp “Tái phạm”. Hành vi thông qua mạng Internet làm giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy giả mang tên Hoàng Ngọc

M của Võ Quốc V và Hoàng Trọng Đăng Q đã phạm vào tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

Vì vậy, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế truy tố các bị cáo Phạm Văn K, Võ Quốc V, Hoàng Trọng Đăng Q là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Đánh giá tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, có đủ khả năng nhận thức được việc lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, do muốn có tiền tiêu xài nhưng không bằng sức lao động của bản thân, dẫn đến việc phạm tội. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, tạo dư luận xấu, gây bức xúc trong xã hội và hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo thực hiện liên tiếp nhiều vụ trộm cắp tài sản trên nhiều địa bàn trong tỉnh Thừa Thiên Huế. Điều này thể hiện thái độ coi thường pháp luật của các bị cáo.

Các bị cáo K và V phạm tội trong trường hợp đồng phạm về tội "Trộm cắp tài sản". V là người trực tiếp lấy xe máy của mẹ là bà Võ Thị Thu T, chuẩn bị phương tiện phạm tội. Các bị cáo không có sự câu kết chặt chẽ, không có bàn bạc, phân công nhiệm vụ thực hiện hành vi phạm tội nên không phạm vào tình tiết phạm tội có tổ chức.

Các bị cáo V và Q đồng phạm về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”. V là người bỏ tiền nhờ Q liên hệ trên mạng Internet làm giấy đăng ký xe giả để tiêu thụ nên cả hai bị cáo có vai trò ngang nhau.

Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là thành khẩn khai báo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, các bị cáo K, V đã phạm tội từ hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với tội Trộm cắp tài sản. Tại phiên tòa, người bị hại chị Nguyễn Thị Hoài T đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo K và bị cáo V nên cho các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian là tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đặc điểm nhân thân của các bị cáo để bảo đảm giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cần xem xét các bị cáo K và V khi phạm tội các bị cáo chưa đủ 18 tuổi, là độ tuổi chưa phát triển hoàn thiện, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên áp dụng Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự cho các bị cáo để áp dụng hình phạt đối với người dưới 18 tuổi, nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật, chính sách nhân đạo của Nhà nước về đường lối xử lý đối với người chưa thành niên phạm tội.

[4] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động IPHONE 7 PLUS màu đen, số sêri: F2LVT2THG00, số IMEI: 156696081000890 thu giữ của Võ Quốc V; Đây là phương tiện mà các bị cáo dùng liên lạc rủ nhau đi trộm cắp, sử dụng vào việc phạm tội, còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 tu vít dài 23cm, cán bằng cao su màu đỏ; 01 cờ lê kim loại dài 12cm; 01 thanh kim loại hình chữ L dài 17cm thu giữ của Võ Quốc V. Đây là công cụ mà các bị cáo dùng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu, tiêu hủy.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Những người có quyền lợi liên quan là anh Lê Kỳ T yêu cầu Võ Quốc V bồi thường số tiền 2.500.000 đồng; Anh Trần Mạnh H yêu cầu V bồi thường số tiền 2.100.000 đồng; Chị Nguyễn Thị H yêu cầu Võ Quốc V và Lâm Tiến N bồi thường số tiền 17.000.000 đồng; Tuy nhiên, những lần cầm cổ xe các bị cáo Phạm Văn K và Võ Quốc V đều chia nhau tiêu xài cá nhân; không liên quan đến anh Lâm Tiến N. Các bị cáo khi phạm tội là người từ đủ mười lăm tuổi đến dưới mười tám tuổi nhưng tại thời điểm xét xử các bị cáo đã đủ 18 tuổi nên phải tự bồi thường, cần áp dụng Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, khoản 1 Điều 586, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự để buộc các bị cáo phải bồi thường như sau: Bị cáo K và V phải liên đới bồi thường theo phần bằng nhau cho anh Lê Kỳ T số tiền 2.500.000 đồng; Anh Trần Mạnh H số tiền 2.100.000 đồng; Chị Nguyễn Thị H số tiền 17.000.000 đồng.

[6] Về án phí:

- Án phí hình sự sơ thẩm: Buộc các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị cáo Phạm Văn K và Võ Quốc V phải chịu trên số tiền phải bồi thường, tương ứng mỗi người phải chịu là: $(2.500.000 \text{ đồng} + 2.100.000 \text{ đồng} + 17.000.000 \text{ đồng})/2 \times 5\% = 540.000 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố các bị cáo Phạm Văn K và Võ Quốc V phạm tội “Trộm cắp tài sản”; các bị cáo Hoàng Trọng Đăng Q và Võ Quốc V phạm tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điểm c Khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 55, Điều 56 và Điều 58; Điều 91; Điều 101; Điều 104 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Phạm Văn K và Võ Quốc V.

Áp dụng Khoản 1 Điều 341; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 đối với các bị cáo Võ Quốc V và Hoàng Trọng Đăng Q;

- Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn K 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; tổng hợp hình phạt 02 (hai) năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án

số: 42/2021/HS-ST ngày 07/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế; buộc bị cáo Phạm Văn K phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (bốn) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ 04/6/2021.

- Xử phạt: Bị cáo Võ Quốc V 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; 06 (sáu) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”; tổng hợp hình phạt 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo Bản án số: 42/2021/HS-ST ngày 07/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Thừa Thiên Huế; buộc bị cáo Võ Quốc V phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bắt tạm giữ 04/6/2021.

- Xử phạt: Bị cáo Hoàng Trọng Đăng Q 08 (tám) tháng tù về tội “Làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức”.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự; tuyên xử:

- Tịch thu, sung công quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động IPHONE 7 PLUS màu đen, số seri: F2LVT2THG00, số IMEI: 156696081000890.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 tu vít dài 23cm, cán bằng cao su màu đỏ; 01 cờ lê kim loại dài 12cm; 01 thanh kim loại hình chữ L dài 17cm.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 03/11/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Thừa Thiên Huế và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thừa Thiên Huế).

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 của Bộ luật hình sự; các Điều 584, 585, khoản 1 Điều 586, 587 và 589 của Bộ luật Dân sự: Buộc các bị cáo Phạm Văn K và Võ Quốc V phải liên đới bồi thường theo phần bằng nhau cho anh Lê Kỳ T số tiền 2.500.000 đồng; Anh Trần Mạnh H số tiền 2.100.000 đồng; Chị Nguyễn Thị H số tiền 17.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng còn phải chịu thêm một khoản lãi, theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Phạm Văn K, Võ Quốc V và Hoàng Trọng Đăng Q mỗi người phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và bị cáo Phạm Văn K và Võ Quốc V mỗi người phải chịu 540.000 đồng (Năm trăm bốn mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh TT-Huế;
- Công an tỉnh TT-Huế;
- Cục THADS tỉnh TT-Huế;
- Sở Tư pháp;
- Bị cáo;
- ĐDHP của bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thái Thị Hồng Vân